

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/2015/TT-BKHHCN

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2015

CÔNG VĂN ĐẾN

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: C
	Ngày: 27/4

THÔNG TƯ

Giữ S. ngày 26/4/15
Kính chuyển (2)

Quy định việc đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện các dự án có sử dụng ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Thực hiện Quyết định số 2441/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định việc đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện các dự án có sử dụng ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định việc đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện các nhiệm vụ được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm quốc gia (sau đây viết tắt là Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG) thuộc Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020 (sau đây viết tắt là Chương trình).

Việc đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm, Dự án khoa học và công nghệ của Chương trình được vận dụng theo quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và căn cứ vào hợp đồng đã ký kết của từng nhiệm vụ.

2. Các dự án đầu tư nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là KH&CN) phục vụ phát triển sản phẩm quốc gia được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách chi đầu tư phát triển không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

3. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý và thực hiện Dự án KH&CN và Dự án đầu tư SPQG thuộc Chương trình.

Chương II

QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN PHẨM QUỐC GIA

Điều 2. Hồ sơ đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG

Hồ sơ đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG bao gồm:

1. Công văn đề nghị đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG của Tổ chức chủ trì theo Mẫu 1 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

2. Báo cáo tổng kết quá trình thực hiện các nội dung nhằm thu được sản phẩm theo như hợp đồng đã ký kết và Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG;

3. Báo cáo về các sản phẩm của Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG;

4. Bản sao hợp đồng và thuyết minh của Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG và Thuyết minh của Dự án đầu tư SPQG đã được phê duyệt;

5. Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG;

6. Báo cáo nhận xét kết quả thực hiện Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG của Tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG theo Mẫu 2 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

7. Các tài liệu khác (nếu có).

Điều 3. Nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG

1. Thời hạn nộp hồ sơ: Việc nộp hồ sơ thực hiện trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng thực hiện hoặc thời điểm được gia hạn hợp đồng (nếu có).

2. Hồ sơ gồm các tài liệu quy định tại Điều 2 của Thông tư này được đóng gói trong túi hồ sơ có niêm phong và được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Đơn vị quản lý SPQG, gồm: 01 bộ hồ sơ gốc (có dấu và chữ ký gốc) và 01 bản điện tử (dạng PDF, không cài bảo mật, các trang có dấu và chữ ký phải scan từ hồ sơ gốc). Bên ngoài túi hồ sơ cần ghi đầy đủ các thông tin:

- a) Tên Dự án đầu tư SPQG;
- b) Tên, địa chỉ của tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG và họ tên của Giám đốc Dự án đầu tư SPQG;
- c) Tên Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG;
- d) Tên, địa chỉ của tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm của Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG (nếu có);
- đ) Danh mục tài liệu có trong hồ sơ.

3. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Đơn vị quản lý SPQG phải thông báo cho Tổ chức chủ trì Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định thì Tổ chức chủ trì phải bổ sung trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày được thông báo. Khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Đơn vị quản lý SPQG gửi Giấy xác nhận cho Tổ chức chủ trì theo Mẫu 3 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Thông tin về kết quả thực hiện Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG

1. Đơn vị quản lý SPQG thực hiện việc đăng tải thông tin liên quan đến việc đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG (trừ các nhiệm vụ liên quan tới quốc phòng - an ninh) trên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan chủ quản SPQG trong thời hạn ba mươi (30) ngày. Thông tin đăng tải bao gồm:

- a) Thông tin chung về Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG: Tên, mã số, kinh phí, thời gian thực hiện, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm và các thành viên chủ chốt tham gia thực hiện Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG;
- b) Báo cáo tóm tắt về kết quả thực hiện Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG;
- c) Thời gian, địa điểm dự kiến tổ chức đánh giá nghiệm thu.

2. Thời gian thực hiện đăng tải thông tin: Chậm nhất năm (05) ngày làm việc sau khi Đơn vị quản lý SPQG tiếp nhận hồ sơ hợp lệ.

Điều 5. Hội đồng và tổ chuyên gia tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG

1. Hội đồng và tổ chuyên gia tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG do Thủ trưởng Cơ quan chủ quản SPQG quyết định thành lập trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ trên cơ sở đề nghị của Đơn vị quản lý SPQG.

2. Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG (sau đây gọi là Hội đồng) có 09 thành viên bao gồm chủ tịch, phó chủ tịch, 02 ủy viên phản biện, 01 ủy viên thư ký và các ủy viên khác, trong đó:

a) 06 thành viên là chuyên gia khoa học và công nghệ (lấy từ cơ sở dữ liệu chuyên gia của Bộ Khoa học và Công nghệ), chuyên gia kinh tế; 03 thành viên là chuyên gia đại diện cho Cơ quan chủ quản SPQG, Đơn vị quản lý SPQG, Ban Chủ nhiệm Chương trình;

b) Người đang công tác tại tổ chức chủ trì Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG, người có lợi ích liên quan với chủ nhiệm hoặc tổ chức chủ trì Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG không được tham gia Hội đồng.

3. Tổ chuyên gia tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG (sau đây gọi là Tổ chuyên gia) gồm 03 thành viên của Hội đồng do chủ tịch hoặc phó chủ tịch Hội đồng làm tổ trưởng. Tổ chuyên gia có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định độ tin cậy, nhận định tính xác thực các sản phẩm của Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG.

4. Trong trường hợp đặc biệt, do tính chất phức tạp hoặc yêu cầu đặc thù của nhiệm vụ, Thủ trưởng Cơ quan chủ quản SPQG có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần hội đồng khác với quy định tại khoản 2 Điều này hoặc lựa chọn chuyên gia khoa học và công nghệ ngoài cơ sở dữ liệu chuyên gia của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 6. Thành phần tham dự các phiên họp đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG

1. Thành phần chính thức là các đối tượng được quy định tại Điều 5 của Thông tư này và 02 thư ký hành chính thuộc Đơn vị quản lý SPQG và đơn vị chức năng có liên quan của Cơ quan chủ quản SPQG.

2. Đại biểu mời tham dự các phiên họp của Hội đồng gồm: đại diện Ban chủ nhiệm Chương trình, đại diện Vụ KH&CN các ngành kinh tế - kỹ thuật thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ; đại diện đơn vị quản lý kinh phí SPQG, đại diện đơn vị quản lý KH&CN của Cơ quan chủ quản SPQG; đại diện tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG và tổ chức chủ trì Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG; giám đốc Dự án đầu tư SPQG; chủ nhiệm Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG.

Điều 7. Trình tự, nội dung họp Hội đồng

1. Đơn vị quản lý SPQG có trách nhiệm tổ chức các phiên họp Hội đồng. Thời điểm họp phiên đầu tiên không quá ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày ký Quyết định thành lập Hội đồng.

2. Gửi hồ sơ đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện và công tác chuẩn bị của thành viên Hội đồng:

a) Ít nhất mười (10) ngày làm việc trước phiên họp thứ nhất của Hội đồng, Đơn vị quản lý SPQG có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu cung cấp cho các thành viên Hội đồng gồm 01 bản sao hồ sơ đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG theo quy định tại Điều 4 của Thông tư này; Quyết định thành lập Hội đồng; Phiếu nhận xét kết quả thực hiện Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG theo Mẫu 4 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Các thành viên Hội đồng có trách nhiệm nghiên cứu kỹ hồ sơ đăng ký xét duyệt và các tài liệu có liên quan; đồng thời ghi nhận xét vào các phiếu nhận xét trước khi họp Hội đồng.

3. Trình tự và nội dung họp của Hội đồng:

a) Phiên họp Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng tham dự, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch và các ủy viên phản biện;

b) Thư ký hành chính đọc quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu các thành viên Hội đồng và đại biểu tham dự; Đại diện Cơ quan chủ quản SPQG phát biểu ý kiến, nêu yêu cầu đối với Hội đồng (nếu có) và mời Chủ tịch Hội đồng điều hành phiên họp. Trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt thì Phó Chủ tịch điều hành hoạt động của Hội đồng;

c) Chủ tịch Hội đồng thống nhất và thông qua nội dung làm việc của Hội đồng theo các quy định của Thông tư này và điều hành cuộc họp; Hội đồng biểu quyết bầu ban kiểm phiếu gồm 03 thành viên thuộc Hội đồng (trong đó có Trưởng ban và 02 ủy viên) và thư ký của Hội đồng; thư ký của Hội đồng ghi chép ý kiến của các thành viên và Biên bản làm việc của Hội đồng theo Mẫu 5 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Chủ nhiệm nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG báo cáo tóm tắt về kết quả thực hiện nhiệm vụ; các cá nhân thực hiện nhiệm vụ trả lời các câu hỏi của thành viên Hội đồng và đại biểu tham dự (nếu có) và không tiếp tục tham dự phiên họp của Hội đồng;

đ) Tổ trưởng tổ chuyên gia báo cáo kết quả thẩm định đối với Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG theo Mẫu 6 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Các thành viên Hội đồng trình bày nhận xét, đánh giá về kết quả thực hiện Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG; Thư ký của Hội đồng đọc ý kiến nhận xét của các thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng tham khảo;

g) Hội đồng thảo luận, phân tích, đánh giá về kết quả thực hiện Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG theo các tiêu chí đánh giá ghi trong Phiếu đánh giá kết quả thực hiện Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG theo Mẫu 7 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

h) Hội đồng tham khảo ý kiến của các đại biểu tham dự cuộc họp và ý kiến phản hồi về thông tin đăng tải quy định tại Điều 6 của Thông tư này do Đơn vị quản lý SPQG tổng hợp (nếu có);

i) Các thành viên Hội đồng ghi và bỏ phiếu đánh giá độc lập kết quả thực hiện Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG thông qua Phiếu đánh giá có dấu treo của Cơ quan chủ quản SPQG;

k) Ban kiểm phiếu tổng hợp và báo cáo kết quả kiểm phiếu theo Mẫu 8 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

l) Hội đồng thông báo kết quả kiểm phiếu đánh giá. Kết quả thực hiện Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG đạt yêu cầu khi có ít nhất 3/4 tổng số thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu "Đạt";

m) Chủ tịch Hội đồng công bố dự thảo kết luận đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG và Hội đồng thảo luận thông qua Biên bản làm việc của Hội đồng;

n) Đại diện các cơ quan phát biểu ý kiến (nếu có).

4. Trong trường hợp cần thiết, Đơn vị quản lý SPQG trình Thủ trưởng Cơ quan chủ quản SPQG xem xét, quyết định việc tổ chức lấy ý kiến tư vấn độc lập đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG trước khi công nhận kết quả thực hiện.

5. Ý kiến kết luận của Hội đồng được Đơn vị quản lý SPQG gửi cho Tổ chức chủ trì trong thời hạn hai (02) ngày làm việc sau khi kết thúc phiên họp để làm căn cứ cho việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Điều 8. Nội dung đánh giá và yêu cầu của từng nội dung

1. Về báo cáo tổng kết

Đánh giá tính đầy đủ, khoa học, rõ ràng, xác thực và lô-gíc của báo cáo tổng hợp (tổng quan, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng ...) và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn).

Xếp loại "Xuất sắc" khi Báo cáo tổng kết đã hoàn thiện, không cần chỉnh sửa; loại "Đạt" khi báo cáo tổng hợp có thể hoàn thiện sau khi chỉnh sửa, bổ sung theo góp ý của Hội đồng; loại "Không đạt" khi không đáp ứng được 2 trường hợp trên.

2. Về sản phẩm của nhiệm vụ

Mỗi sản phẩm của nhiệm vụ được đánh giá theo các tiêu chí về số lượng, khối lượng, chất lượng so với hợp đồng theo 03 mức: "Xuất sắc" khi vượt mức so với hợp đồng; "Đạt" khi đáp ứng đúng, đủ yêu cầu so với hợp đồng; "Không đạt" khi không đáp ứng đúng, đủ yêu cầu so với hợp đồng.

3. Về khả năng ứng dụng và phát triển kết quả của Nhiệm vụ trong quá trình sản xuất SPQG

Nội dung này được đánh giá theo 03 mức: "Xuất sắc" khi kết quả đã hoặc có khả năng ứng dụng ngay vào sản xuất; "Đạt" khi kết quả cần hoàn thiện thêm để ứng dụng vào sản xuất; "Không đạt" khi không thuộc 2 trường hợp trên.

4. Về tiến độ thực hiện

Được đánh giá tùy thuộc hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu được nộp đúng hạn; chậm dưới 06 tháng và chậm trên 06 tháng.

5. Đánh giá chung

a) Mỗi thành viên của Hội đồng đánh giá xếp loại chung cho Nhiệm vụ theo 3 mức sau:

Xuất sắc: Khi các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này đạt mức "Xuất sắc", nội dung quy định tại khoản 1 Điều này từ mức "Đạt" trở lên và nộp hồ sơ đúng hạn;

Đạt: Khi các nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này từ mức "Đạt" trở lên và nộp hồ sơ đúng hạn hoặc chậm không quá 06 tháng;

Không đạt: Không thuộc 2 trường hợp trên.

b) Hội đồng đánh giá xếp loại Nhiệm vụ theo 3 mức sau:

Xuất sắc: Nếu nhiệm vụ có ít nhất 3/4 thành viên hội đồng có mặt nhất trí đánh giá mức "Xuất sắc" và không có thành viên đánh giá ở mức "Không đạt";

Không đạt: Nếu nhiệm vụ có nhiều hơn 1/3 số thành viên hội đồng có mặt đánh giá mức "Không đạt";

Đạt yêu cầu: Không thuộc 2 trường hợp trên.

Điều 9. Xử lý kết quả đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG

1. Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG được quyết toán và thanh lý hợp đồng sau khi các sản phẩm của Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG và tài sản đã mua sắm bằng ngân sách nhà nước được kiểm kê theo quy định hiện hành.

2. Đối với Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG có kết quả nghiệm thu ở mức "Không đạt", Cơ quan chủ quản SPQG chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xử lý theo quy định hiện hành đối với việc xử lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ nghiệm thu không đạt yêu cầu.

3. Việc công bố, sử dụng kết quả thực hiện Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG và thanh lý hợp đồng được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 10. Công nhận kết quả thực hiện Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG

1. Hồ sơ công nhận kết quả thực hiện Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG bao gồm:

a) Biên bản họp Hội đồng đánh giá nghiệm thu;

b) Báo cáo về việc hoàn thiện Hồ sơ đánh giá nghiệm thu theo Mẫu 9 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Ý kiến của các chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn độc lập (nếu có).

2. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này, Thủ trưởng Cơ quan chủ quản SPQG có trách nhiệm xem xét ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG theo Mẫu 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Quyết định công nhận kết quả thực hiện Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG là một bộ phận của hồ sơ giám sát, đánh giá đầu tư của Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm quốc gia theo quy định hiện hành.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý và thực hiện Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020 căn cứ vào hướng dẫn của Thông tư này để tổ chức thực hiện.

2. Văn phòng các chương trình khoa học và công nghệ quốc gia và Đơn vị quản lý SPQG có trách nhiệm quản lý toàn bộ các hồ sơ gốc và các văn bản chính trong quá trình đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG đối với sản phẩm quốc gia thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định hiện hành và sự phân công của Cơ quan chủ quản SPQG.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2015.

2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật mới.

3. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Website Chính phủ;
- Lưu: VT, CNN.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Quân

Phụ lục

DANH MỤC MẪU ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU NHIỆM VỤ THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT SẢN PHẨM QUỐC GIA

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BKHCN ngày 15 tháng 4 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

1. **Mẫu 1-CV-NTDAĐT-SPQG:** Công văn đề nghị đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG.
2. **Mẫu 2-BCNX-NTDAĐT-SPQG:** Báo cáo nhận xét kết quả thực hiện Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG của Tổ chức chủ trì Dự án đầu tư SPQG.
3. **Mẫu 3-GXN-NTDAĐT-SPQG:** Giấy xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ đánh giá nghiệm thu Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG.
4. **Mẫu 4-PNX-NTDAĐT-SPQG:** Phiếu nhận xét kết quả thực hiện Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG.
5. **Mẫu 5-BBHD-NTDAĐT-SPQG:** Biên bản làm việc của Hội đồng đánh giá nghiệm thu Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG.
6. **Mẫu 6-BCTĐ-NTDAĐT-SPQG:** Báo cáo kết quả thẩm định của Tổ chuyên gia đối với Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG.
7. **Mẫu 7-PĐG-NTDAĐT-SPQG:** Phiếu đánh giá kết quả thực hiện Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG.
8. **Mẫu 8-BBKP-NTDAĐT-SPQG:** Biên bản kiểm phiếu đánh giá kết quả thực hiện Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG.
9. **Mẫu 9-BCHT-NTDAĐT-SPQG:** Báo cáo về việc hoàn thiện Hồ sơ đánh giá nghiệm thu Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG.
10. **Mẫu 10-CNKQ-NTDAĐT-SPQG:** Quyết định công nhận kết quả thực hiện Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG.

**TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ
NHIỆM VỤ THUỘC
DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20.....

Số:/.....

V/v: Đề nghị đánh giá nghiệm thu
Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG

Kính gửi: (Tên Cơ quan chủ quản SPQG)

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BKHCN ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện các dự án có sử dụng ngân sách nhà nước chỉ sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020,

..... (Tên Tổ chức chủ trì Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG) đề nghị (Cơ quan chủ quản SPQG) xem xét và tổ chức đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG sau:

Tên Nhiệm vụ:

Mã số:

Hợp đồng số:

Thời gian thực hiện theo hợp đồng: từ đến

Thời gian được điều chỉnh, gia hạn (nếu có) đến:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

thuộc: (Tên Dự án đầu tư SPQG)

nhằm thực hiện việc phát triển Sản phẩm quốc gia:

(tên Sản phẩm quốc gia theo Quyết định phê duyệt Danh mục sản phẩm quốc gia của Thủ tướng Chính phủ)

Kèm theo công văn này là hồ sơ đánh giá nghiệm thu Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG, gồm:

1. Báo cáo tổng hợp và Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG.
2. Báo cáo về các sản phẩm của Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG.
3. Bản sao hợp đồng và thuyết minh của Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG và Thuyết minh của Dự án đầu tư SPQG đã được phê duyệt.

4. Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG.

5. Các tài liệu khác (nếu có).

Số lượng hồ sơ gồm:

- 01 bộ (bản gốc) đầy đủ tài liệu kể trên;

- 01 bản điện tử các tài liệu quy định tại các điểm 1, 2, 3 nêu trên ghi vào đĩa quang (dạng PDF, không cài đặt bảo mật).

Đề nghị (Cơ quan chủ quản SPQG) xem xét và tổ chức đánh giá nghiệm thu kết quả nhiệm vụ nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ THUỘC
DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ
DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO NHẬN XÉT
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG

1. Thông tin chung:

Tên Nhiệm vụ:

Mã số:

Hợp đồng số:

Thời gian thực hiện theo hợp đồng: từ đến

Thời gian được điều chỉnh, gia hạn (nếu có) đến:

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

thuộc: (Tên Dự án đầu tư SPQG)

nhằm thực hiện việc phát triển Sản phẩm quốc gia:

(tên Sản phẩm quốc gia theo Quyết định phê duyệt Danh mục sản phẩm quốc gia của Thủ tướng Chính phủ)

2. Nhận xét:

2.1. Về báo cáo tổng kết và báo cáo tóm tắt kết quả:

(Nhận xét cụ thể, chi tiết về mức độ rõ ràng, lô-gíc của báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt; tổng quan các vấn đề liên quan đến nội dung của nhiệm vụ; mức độ làm rõ tác động của nhiệm vụ đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Dự án đầu tư SPQG; lợi ích kinh tế, khả năng mở rộng thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm; tác động của kết quả nhiệm vụ đối với kinh tế, xã hội. Nêu rõ những điểm cần phải sửa chữa, bổ sung)

.....
.....

2.2. Về sản phẩm so với đặt hàng:

(Phân tích, đánh giá mức độ đầy đủ về chủng loại sản phẩm, số lượng, khối lượng, chất lượng của từng sản phẩm so với hợp đồng đã ký kết)

.....
.....

2.3. Về khả năng ứng dụng và phát triển kết quả của Nhiệm vụ trong quá trình sản xuất SPQG:

(Phân tích, đánh giá tính ưu việt, khả năng cạnh tranh về giá thành và chất lượng sản phẩm khi ứng dụng kết quả của Nhiệm vụ vào việc sản xuất SPQG, khả năng nhân rộng, chuyển giao, liên doanh, liên kết với các tổ chức, doanh nghiệp để ứng dụng kết quả của Nhiệm vụ)

.....

.....

.....

2.4. Về tiến độ thực hiện:

(Phân tích, đánh giá dựa trên thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn và thời điểm nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu)

.....

.....

.....

3. Nhận xét chung về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

3.1. Khả năng đóng góp của Nhiệm vụ đối với việc thực hiện toàn bộ Dự án đầu tư SPQG:

.....

.....

.....

3.2. Đánh giá mức độ hoàn thành của Nhiệm vụ:

Xuất sắc

Lý do cụ thể:

.....

.....

Đạt

Lý do cụ thể:

.....

.....

Không đạt

Lý do cụ thể *(cần ghi rõ những nội dung đã/chưa thực hiện so với hợp đồng)*

.....

.....

4. Các tồn tại và đề xuất hướng/biện pháp giải quyết (bắt buộc):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG
(Ký và đóng dấu)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN SPQG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
.....; ngày tháng năm 20....

**GIẤY XÁC NHẬN HỒ SƠ HỢP LỆ ĐỂ ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU
NHIỆM VỤ THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG**

1. Thông tin chung:

Tên Nhiệm vụ:

Mã số:

Hợp đồng số:

Thời gian thực hiện theo hợp đồng: từ đến

Thời gian được điều chỉnh, gia hạn (nếu có) đến:

Tổ chức chủ trì:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

thuộc: (Tên Dự án đầu tư SPQG)

nhằm thực hiện việc phát triển Sản phẩm quốc gia:

(tên Sản phẩm quốc gia theo Quyết định phê duyệt Danh mục sản phẩm quốc gia của Thủ tướng Chính phủ)

2. Thời gian gửi - nhận hồ sơ hợp lệ:

- Thời gian gửi trên đầu bưu điện: ngày ... tháng ... năm 20...

- Thời gian nhận từ bưu điện, văn thư: ngày ... tháng ... năm 20...

- Thời gian nhận trực tiếp từ người gửi: ngày ... tháng ... năm 20...

3. Họ tên người gửi trực tiếp (nếu có):

4. Họ tên người nhận:

Chức vụ:

5. Hồ sơ đánh giá nghiệm thu hợp lệ đã nhận gồm có (bảng thống kê):

Số TT	Tên tài liệu theo quy định	Tình trạng tài liệu	Ghi chú
1	Công văn đề nghị đánh giá nghiệm thu của Tổ chức chủ trì Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG.		
2	Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện Nhiệm vụ.		

Số TT	Tên tài liệu theo quy định	Tình trạng tài liệu	Ghi chú
3	Báo cáo về các sản phẩm của Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG.		
4	Bản sao hợp đồng và thuyết minh của Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG và Thuyết minh của Dự án đầu tư SPQG đã được phê duyệt.		
5	Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của Nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư SPQG.		
6	Bản điện tử hồ sơ ghi trên đĩa quang (dạng PDF, không cài đặt bảo mật, các trang có dấu và chữ ký phải scan từ hồ sơ gốc).		

Các tài liệu khác (nếu có):

Đánh giá chung của người nhận hồ sơ (về tình trạng, hình thức...):

**XÁC NHẬN CỦA
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
(Họ, tên và chữ ký)

NGƯỜI NHẬN
(Họ, tên và chữ ký)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN SPQG
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU NHIỆM VỤ
THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

**PHIẾU NHẬN XÉT
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG**

Ủy viên phản biện:

Ủy viên:

1. Thông tin chung:

Tên Nhiệm vụ:

Mã số:

Hợp đồng số:

Thời gian thực hiện theo hợp đồng: từ đến

Thời gian được điều chỉnh, gia hạn (nếu có) đến:

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

thuộc: (Tên Dự án đầu tư SPQG)

nhằm thực hiện việc phát triển Sản phẩm quốc gia:

(tên Sản phẩm quốc gia theo Quyết định phê duyệt Danh mục sản phẩm quốc gia của Thủ tướng Chính phủ)

2. Chuyên gia nhận xét:

Họ và tên chuyên gia (chức danh khoa học, học vị):

Chuyên gia nhận Hồ sơ: ngày tháng năm 20...

3. Nhận xét:

3.1. Về báo cáo tổng kết và báo cáo tóm tắt kết quả:

(Nhận xét cụ thể, chi tiết về mức độ rõ ràng, lô-gíc của báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt; tổng quan các vấn đề liên quan đến nội dung của nhiệm vụ; mức độ làm rõ tác động của nhiệm vụ đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Dự án đầu tư SPQG; lợi ích kinh tế, khả năng mở rộng thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm; tác động của kết quả nhiệm vụ đối với kinh tế, xã hội. Nêu rõ những điểm cần phải sửa chữa, bổ sung)

.....
.....

3.2. Về sản phẩm so với đặt hàng:

(Phân tích, đánh giá mức độ đầy đủ về chủng loại sản phẩm, số lượng, khối lượng, chất lượng của từng sản phẩm so với hợp đồng đã ký kết)

.....
.....
.....

3.3. Về khả năng ứng dụng và phát triển kết quả của Nhiệm vụ trong quá trình sản xuất SPQG:

(Phân tích, đánh giá tính ưu việt, khả năng cạnh tranh về giá thành và chất lượng sản phẩm khi ứng dụng kết quả của Nhiệm vụ vào việc sản xuất SPQG, khả năng nhân rộng, chuyển giao, liên doanh, liên kết với các tổ chức, doanh nghiệp để ứng dụng kết quả của Nhiệm vụ)

.....
.....
.....

3.4. Về tiến độ thực hiện:

(Phân tích, đánh giá dựa trên thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn và thời điểm nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu)

.....
.....
.....

4. Nhận xét chung về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

Xuất sắc

Lý do cụ thể:

.....
.....

Đạt

Lý do cụ thể:

.....
.....

Không đạt

Lý do cụ thể *(cần ghi rõ những nội dung đã/chưa thực hiện so với hợp đồng)*

.....
.....

5. Các tồn tại và đề xuất hướng/biện pháp giải quyết (bắt buộc):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CHUYÊN GIA NHẬN XÉT
(Họ, tên và chữ ký)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN SPQG
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU NHIỆM VỤ
THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

**BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG**

I. Thông tin chung

1. Tên nhiệm vụ:

Mã số:

Hợp đồng số:

Thời gian thực hiện theo hợp đồng: từ đến

Thời gian được điều chỉnh, gia hạn (nếu có) đến:

Tổ chức chủ trì:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

thuộc: (*Tên Dự án đầu tư SPQG*)

nhằm thực hiện việc phát triển Sản phẩm quốc gia:

(*tên Sản phẩm quốc gia theo Quyết định phê duyệt Danh mục sản phẩm quốc gia của Thủ tướng Chính phủ*)

Tổng vốn thực hiện Nhiệm vụ: triệu đồng, trong đó:

<i>Nguồn kinh phí</i>	<i>Kinh phí (triệu đồng)</i>
- Từ ngân sách chi sự nghiệp KH&CN	
- Từ nguồn ngân sách nhà nước khác	
- Từ các quỹ	
- Vốn tín dụng	
- Vốn tự có	
- Nguồn huy động khác	

2. Quyết định thành lập Hội đồng và Tổ chuyên gia

Số: /QĐ-..... ngày .../.../20... của

3. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

Địa điểm:

Thời gian:

- Bắt đầu:

- Kết thúc:

4. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên:/.....

Vắng mặt: người, gồm:

-

-

5. Khách mời tham dự họp Hội đồng

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác
1		
2		
3		
4		
5		

II. Nội dung làm việc của Hội đồng

1. Sau khi Ông/Bà, đại diện Cơ quan chủ quản SPQG công bố quyết định thành lập Hội đồng đánh giá nghiệm thu và nêu yêu cầu đối với Hội đồng, Chủ tịch (hoặc phó Chủ tịch) thông qua chương trình làm việc của hội đồng. Hội đồng thống nhất bầu thư ký và ban kiểm phiếu gồm:

- Thư ký:

- Ban kiểm phiếu: Trưởng ban -

Ủy viên -

.....

2. Hội đồng đã nghe Chủ nhiệm nhiệm vụ trình bày báo cáo tóm tắt quá trình tổ chức thực hiện các nội dung của Nhiệm vụ, các sản phẩm thu được và tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng đã ký kết.

3. Hội đồng và các đại biểu trao đổi, nêu câu hỏi đối với Chủ nhiệm nhiệm vụ.

4. Chủ nhiệm nhiệm vụ trả lời các câu hỏi của các thành viên Hội đồng; cung cấp thông tin, giải trình và bảo vệ kết quả tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

5. Hội đồng và các đại biểu họp riêng:

5.1. Hội đồng đã nghe:

- Báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia;
- Ý kiến nhận xét của từng ủy viên;
- Thư ký khoa học đọc Phiếu nhận xét của ủy viên vắng mặt (nếu có).

5.2. Hội đồng đã trao đổi, thảo luận:

- Hội đồng đã nêu câu hỏi đối với các ủy viên phản biện và thành viên tổ chuyên gia về từng chỉ tiêu đánh giá đã được quy định.

- Trên cơ sở đã xem xét, nghiên cứu toàn bộ hồ sơ đánh giá và các tài liệu, văn bản liên quan; tham khảo Báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia và các ý kiến nhận xét của các ủy viên; trao đổi thảo luận, nhận định về các kết quả của Nhiệm vụ theo các tiêu chí đánh giá ghi trong Phiếu đánh giá kết quả thực hiện Nhiệm vụ; tham khảo ý kiến của các đại biểu tham dự cuộc họp và ý kiến phản hồi khi công khai thông tin nghiệm thu Nhiệm vụ, Hội đồng đã thực hiện việc đánh giá kết quả của Nhiệm vụ thông qua Phiếu đánh giá có dấu treo của Cơ quan chủ quản SPQG.

5.3. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá. Kết quả kiểm phiếu đánh giá được trình bày trong Biên bản kiểm phiếu gửi kèm theo.

6. Kết luận của Hội đồng về các nội dung đánh giá:

6.1. Về mức độ đáp ứng được yêu cầu của các kết quả thực hiện nhiệm vụ so với Hợp đồng:

a) Về sản phẩm so với Hợp đồng:

b) Về khả năng ứng dụng và phát triển kết quả của Nhiệm vụ trong quá trình sản xuất SPQG:

c) Về sản phẩm đạt vượt hợp đồng; những đóng góp mới của nhiệm vụ cho khoa học và công nghệ (nếu có):

6.2. Kết quả đánh giá xếp loại chung của nhiệm vụ:

a) Kết quả đánh giá, xếp loại của Hội đồng ở mức sau (đánh ✓ vào ô tương ứng):

Xuất sắc Đạt Không đạt

b) Luận giải của Hội đồng về kết quả đánh giá (nêu những lý do chính để Hội đồng thống nhất xếp loại như trên):

-

-

c) Ý kiến về những nội dung chưa thực hiện theo hợp đồng (nếu có):

-

-

6.4. Kiến nghị của Hội đồng:

a) Chủ nhiệm nhiệm vụ điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện Báo cáo tổng kết nhiệm vụ, báo cáo tóm tắt ở những vấn đề sau (nếu có):

-

-

b) Cơ quan chủ quản sản phẩm quốc gia nghiệm thu/ không nghiệm thu (gạch bỏ nội dung không phù hợp) Nhiệm vụ.

Biên bản họp hội đồng được thông qua với sự thống nhất của các thành viên Hội đồng dự họp vào ngày tháng năm 20....

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

(Họ, tên và chữ ký)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Họ, tên và chữ ký)

**CHI TIẾT Ý KIẾN CỦA TỪNG THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG KH&CN ĐÁNH GIÁ CẤP QUỐC GIA**
(Thư ký Hội đồng ký tên vào phía dưới từng trang ghi chép)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN SPQG
TỔ CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ
NGHIỆM THU NHIỆM VỤ THUỘC
DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

**BÁO CÁO THẨM ĐỊNH SẢN PHẨM
CỦA NHIỆM VỤ THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG**

I. Thông tin chung

1. Tên nhiệm vụ:

Mã số:

Hợp đồng số:

Thời gian thực hiện theo hợp đồng: từ đến

Thời gian được điều chỉnh, gia hạn (nếu có) đến:

Tổ chức chủ trì:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

thuộc: (*Tên Dự án đầu tư SPQG*)

nhằm thực hiện việc phát triển Sản phẩm quốc gia:

(*tên Sản phẩm quốc gia theo Quyết định phê duyệt Danh mục sản phẩm quốc gia của Thủ tướng Chính phủ*)

2. Tổng vốn thực hiện Nhiệm vụ: triệu đồng, trong đó:

<i>Nguồn kinh phí</i>	<i>Kinh phí (triệu đồng)</i>
- Từ ngân sách chi sự nghiệp KH&CN	
- Từ nguồn ngân sách nhà nước khác	
- Từ các quỹ	
- Vốn tín dụng	
- Vốn tự có	
- Nguồn huy động khác	

3. Thời gian tiến hành thẩm định: ngày ... tháng... năm 20....

II. Nội dung kiểm tra, thẩm định:

1. Kiểm tra, thẩm định chi tiết các sản phẩm của nhiệm vụ và tài liệu có liên quan đến sản phẩm của nhiệm vụ (*mẫu sản phẩm; tài liệu thiết kế; báo cáo thử nghiệm, ứng dụng; các văn bản đo đạc, kiểm tra, đánh giá thử nghiệm các sản phẩm của nhiệm vụ được các cơ quan chuyên môn có chức năng phù hợp chứng nhận; các văn bản xác nhận khác có liên quan đến sản phẩm của nhiệm vụ*) gồm:

.....
.....
.....

2. Khảo sát tại hiện trường, kiểm định các thông số kỹ thuật của sản phẩm KH&CN (*mẫu sản phẩm; vật liệu; thiết bị, máy móc; dây chuyền công nghệ; giống cây trồng; giống vật nuôi; mô hình thử nghiệm*), gồm:

.....
.....
.....

3. Nhận xét, đánh giá:

3.1. Mức độ hoàn thành về số lượng, khối lượng, chủng loại của các sản phẩm:

(*Bám sát các sản phẩm đã đăng ký trong hợp đồng*)

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng, khối lượng theo đặt hàng	Số lượng, khối lượng thực tế thực hiện	Nhận xét (đủ, chưa đủ...)
1				
2				
3				
4				
5				
...				

Nhận xét chung:

.....
.....
.....

3.2. Mức độ đạt được của các chỉ tiêu chất lượng của các sản phẩm so với đặt hàng:
(Mức độ hoàn thành, tính xác thực của các chỉ tiêu chất lượng hoặc yêu cầu cần đạt...)

Số TT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị đo	Theo đặt hàng	Đã thực hiện	Nhận xét (đạt/chưa đạt...)
1					
2					
3					
4					
5					
...					

Nhận xét chung:

.....

.....

.....

.....

.....

3.3. Các nhận xét khác, đánh giá chung về kết quả của nhiệm vụ:
(Nếu đánh giá chung, nhận xét về tính hình ứng dụng các kết quả của nhiệm vụ)

.....

.....

.....

.....

.....

CÁC THÀNH VIÊN TỔ CHUYÊN GIA
(Họ, tên và chữ ký từng thành viên)

TỔ TRƯỞNG TỔ CHUYÊN GIA
(Họ, tên và chữ ký)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN SPQG
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU NHIỆM VỤ
THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

(đóng dấu treo của Cơ quan chủ quản)

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG**

Ủy viên phản biện:

Ủy viên:

1. Thông tin chung:

Tên Nhiệm vụ:

Mã số:

Hợp đồng số:

Thời gian thực hiện theo hợp đồng: từ đến

Thời gian được điều chỉnh, gia hạn (nếu có) đến:

Tổ chức chủ trì:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

thuộc: (Tên Dự án đầu tư SPQG)

nhằm thực hiện việc phát triển Sản phẩm quốc gia:

(tên Sản phẩm quốc gia theo Quyết định phê duyệt Danh mục sản phẩm quốc gia của Thủ tướng Chính phủ)

2. Chuyên gia nhận xét:

Họ và tên chuyên gia (chức danh khoa học, học vị):

Ngày hợp đánh giá nghiệm thu: ngày tháng năm 20....

3. Đánh giá:

3.1. Về báo cáo tổng kết:

Xuất sắc: Báo cáo tổng kết đã hoàn thiện, không cần chỉnh sửa

Đạt: Báo cáo tổng hợp cần chỉnh sửa, bổ sung theo góp ý

Không đạt: Không thuộc 2 trường hợp trên

3.2. Về sản phẩm so với đặt hàng:

STT	Tên sản phẩm	Đánh giá về số lượng, khối lượng, chất lượng sản phẩm so với hợp đồng			Ghi chú (Giải thích về kết quả đánh giá của chuyên gia)
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	
1	Sản phẩm thứ 1				
2	Sản phẩm thứ 2				
...				
Đánh giá chung (mức thấp nhất của từng sản phẩm)					

3.3. Về khả năng ứng dụng và phát triển kết quả của Nhiệm vụ trong quá trình sản xuất SPQG:

Xuất sắc: Kết quả đã hoặc có khả năng ứng dụng ngay vào sản xuất

Đạt: Kết quả cần hoàn thiện thêm để ứng dụng vào sản xuất

Không đạt: Không thuộc 2 trường hợp trên

3.4. Về tiến độ thực hiện:

Nộp đúng hạn:

Nộp chậm dưới 06 tháng:

Nộp chậm trên 06 tháng:

4. Nhận xét chung về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

Xuất sắc:
Mục 3.2 và 3.3 xuất sắc, mục 3.1 từ đạt trở lên, nộp hồ sơ đúng hạn

Đạt:
Tất cả các mục 3.1, 3.2 và 3.3 từ đạt trở lên, nộp hồ sơ đúng hạn hoặc chậm không quá 06 tháng

Không đạt: không thuộc hai trường hợp trên

5. Các tồn tại và đề xuất hướng/biện pháp giải quyết (bắt buộc):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN SPQG
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU NHIỆM VỤ
THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG**

1. Thông tin chung:

Tên Nhiệm vụ:

Mã số:

Hợp đồng số:

Thời gian thực hiện theo hợp đồng: từ đến

Thời gian được điều chỉnh, gia hạn (nếu có) đến:

Tổ chức chủ trì:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

thuộc: (Tên Dự án đầu tư SPQG)

nhằm thực hiện việc phát triển Sản phẩm quốc gia:

(tên Sản phẩm quốc gia theo Quyết định phê duyệt Danh mục sản phẩm quốc gia của Thủ tướng Chính phủ)

2. Kết quả đánh giá:

- Số phiếu phát ra:

- Số phiếu thu về:

- Số phiếu hợp lệ:

- Số phiếu không hợp lệ:

Họ và tên thành viên Hội đồng	Kết quả đánh giá			Ghi chú
	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	
Thành viên 1				
Thành viên 2				
Thành viên 3				
Thành viên 4				
Thành viên 5				
.....				
Số phiếu/Tổng số:				

3. Xếp loại nhiệm vụ (đánh dấu ✓ vào ô tương ứng phù hợp):

Xuất sắc: Nếu nhiệm vụ có ít nhất 3/4 thành viên hội đồng có mặt nhất trí đánh giá mức “Xuất sắc” và không có thành viên đánh giá ở mức “Không đạt”

Không đạt: Nếu nhiệm vụ có nhiều hơn 1/3 số thành viên hội đồng có mặt đánh giá mức “Không đạt”

Đạt yêu cầu: Không thuộc 2 trường hợp trên

TỔ TRƯỞNG TỔ KIỂM PHIẾU
(Họ, tên và chữ ký)

ỦY VIÊN TỔ KIỂM PHIẾU
(Họ, tên và chữ ký)

TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ
NHIỆM VỤ THUỘC
DỰ ÁN ĐẦU TƯ SPQG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

**BÁO CÁO VỀ VIỆC HOÀN THIỆN
HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU CẤP QUỐC GIA**

Kính gửi: (Tên Cơ quan chủ quản SPQG)

I. Thông tin chung:

Tên Nhiệm vụ:

Mã số:

Hợp đồng số:

Thời gian thực hiện theo hợp đồng: từ đến

Thời gian được điều chỉnh, gia hạn (nếu có) đến:

Tổ chức chủ trì:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

thuộc: (Tên Dự án đầu tư SPQG)

nhằm thực hiện việc phát triển Sản phẩm quốc gia:

(tên Sản phẩm quốc gia theo Quyết định phê duyệt Danh mục sản phẩm quốc gia của Thủ tướng Chính phủ)

Chủ tịch Hội đồng đánh giá nghiệm thu (ghi rõ họ tên, học vị, học hàm, cơ quan công tác):

Thời gian đánh giá: Bắt đầu: ngày ... /... /20...

Kết thúc: ngày ... /... /20...

II. Nội dung đã thực hiện theo kết luận của hội đồng cấp quốc gia:

1. Những nội dung đã bổ sung hoàn thiện (liệt kê và trình bày lần lượt các vấn đề cần hoàn thiện theo ý kiến kết luận của Hội đồng đánh giá nghiệm thu)

2. Những vấn đề bổ sung mới:

3. Những vấn đề chưa hoàn thiện được (nêu rõ lý do):

III. Kiến nghị của chủ nhiệm nhiệm vụ (nếu có):

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ
(Họ, tên và chữ ký)

**XÁC NHẬN CỦA
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**
(Họ, tên và chữ ký)

**XÁC NHẬN CỦA
CƠ QUAN CHỦ QUẢN SPQG**
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN SPQG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-.....

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả thực hiện
nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN CHỦ QUẢN SPQG

Căn cứ Nghị định số/...../NĐ-CP ngày tháng năm 20... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ quan chủ quản SPQG;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BKHCN ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện các dự án có sử dụng ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020;

Xét đề nghị của Hội đồng khoa học tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia được thành lập kèm theo Quyết định số/QĐ-..... ngày ... tháng ... năm 20... của Thủ trưởng Cơ quan chủ quản SPQG;

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm quốc gia thuộc Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020 “.....”,

Mã số:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Tổ chức chủ trì:

Xếp loại:

Điều 2. (Đối với nhiệm vụ “đạt” trở lên) Nhiệm vụ được thực hiện việc quyết toán và thanh lý hợp đồng sau khi các sản phẩm của nhiệm vụ và tài sản đã mua sắm bằng kinh phí thực hiện đã được kiểm kê và bàn giao theo các quy định hiện hành. Việc công bố và sử dụng kết quả đã tạo ra của nhiệm vụ được thực hiện theo các quy định hiện hành.

(Đối với nhiệm vụ “đạt” nhưng nộp hồ sơ chậm không quá 06 tháng) Nhiệm vụ được thực hiện việc quyết toán và thanh lý hợp đồng sau khi các sản phẩm của nhiệm vụ và tài sản đã mua sắm bằng kinh phí thực hiện đã được kiểm kê và bàn giao theo các quy định hiện hành. Việc công bố và sử dụng kết quả đã tạo ra của nhiệm vụ được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Tổ chức chủ trì không được tham gia xét giao trực tiếp và tuyển chọn nhiệm vụ cấp quốc gia trong thời hạn¹ năm kể từ ngày kết thúc hợp đồng.

Chủ nhiệm nhiệm vụ không được tham gia xét giao trực tiếp và tuyển chọn nhiệm vụ cấp quốc gia trong thời hạn² năm kể từ ngày kết thúc hợp đồng.

(Đối với nhiệm vụ “không đạt”) Đơn vị quản lý SPQG chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xác định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

Nhiệm vụ được thực hiện việc quyết toán và thanh lý hợp đồng sau khi các sản phẩm của nhiệm vụ và tài sản đã mua sắm bằng kinh phí thực hiện đã được kiểm kê và bàn giao theo các quy định hiện hành. Việc công bố và sử dụng kết quả đã tạo ra của nhiệm vụ được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Chủ nhiệm nhiệm vụ không được tham gia xét giao trực tiếp và tuyển chọn nhiệm vụ cấp quốc gia trong thời hạn³ năm kể từ ngày kết thúc hợp đồng.

Tổ chức chủ trì không được tham gia xét giao trực tiếp và tuyển chọn nhiệm vụ cấp quốc gia trong thời hạn⁴ năm kể từ ngày kết thúc hợp đồng.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

..... (Thủ trưởng các đơn vị có liên quan quản lý nhiệm vụ), Chủ nhiệm nhiệm vụ, Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu VT,....

**THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN CHỦ QUẢN SPQG**

^{1, 2, 3, 4} Thời gian bị hạn chế quyền đăng ký xét giao trực tiếp hoặc tuyển chọn nhiệm vụ cấp quốc gia theo quy định tại Thông tư quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia có sử dụng ngân sách nhà nước.